

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **686/2018/HC-PT**

Ngày: 18-7-2018

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mạnh Đoan Trang

Các Thẩm phán : Ông Vũ Bảo Nguyên

: Bà Mai Thị Thanh Tú

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Hương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Ông Phan Ngọc Khanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 và ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 27/2017/TLPT-HC ngày 06 tháng 6 năm 2017 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2720/2018/QĐXXPT - HC ngày 19 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1932.

Địa chỉ: 123 Hoài Thanh, Phường 14, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Ngô Ngọc T**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: B13/8A C1 ấp 3A, Quốc lộ 50, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận T

Địa chỉ: Số 04 đường 1011, Phường 5, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người bị kiện: Ông **Trương H** - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Nguyễn H**, chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận T

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Trung B**, sinh năm 1949.

Địa chỉ: 122 Nguyễn Duy, Phường 14, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do có kháng cáo của ông Ngô Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Trần Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngô Ngọc T có mặt, ông Trương H có đơn đề nghị vắng mặt, ông Nguyễn H có mặt, ông Phạm Trung B có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2013 các bản tự khai và lời khai trong các buổi làm việc ông Ngô Ngọc T (người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện) trình bày:

Trước năm 1960, phần nhà đất do bà Trần Thị T tự tạo lập và có khai phá san lấp hồ, nương xung quanh căn nhà tọa lạc tại số 123 đường Nguyễn Duy (nay là số 123 đường Hoài Thanh), Phường 14, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1977, do bà T không hiểu rõ ý nghĩa câu từ nên đã kê khai nhà, đất do bà T đứng tên chủ sở hữu có diện tích đất là 70m², diện tích xây dựng 60m², diện tích sử dụng 20m², nhưng thực tế diện tích đất rộng hơn nhiều.

Năm 1990, các con của bà T có chồng, có vợ không đủ ở nên bà T đã xây dựng lại căn nhà, nói rộng thêm diện tích thực tế đã khai phá trước năm 1960, kết cấu nhà là cột cây, vách lá, mái lá.

Năm 1999, trong đợt kê khai nhà đất, do bà T về quên nên để con đi khai hộ. Vì không rành chữ nghĩa nên ước chừng diện tích nhà, đất có diện tích là 236m², diện tích xây dựng là 168m², diện tích sàn xây dựng là 168m², kết cấu nhà cột cây, vách lá, mái lá và ghi nguồn gốc đất là của cha mẹ bà T. Điều này là không đúng với các giấy tờ của bà T trước đây.

Năm 2000, bà T có sửa chữa và coi nói thêm phần gác gỗ, vách gạch, sàn gỗ, mái tole, số tầng 1. Việc sửa chữa, coi nói này không có xin phép.

Năm 2001, ông Phạm Trung B khiếu nại tranh chấp phần đất giữa hai căn nhà số 123 và số 125 đường Hoài Thanh mà bà Trần Thị T đang sử dụng và được Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận T tiến hành hòa giải nhưng không thành vào ngày 30/11/2001. Các bên tranh chấp đề nghị chuyển hồ sơ ra Tòa án giải quyết theo thẩm quyền nhưng sau đó các bên không yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền tiếp tục giải quyết khiếu nại.

Do có nhu cầu hợp thức hóa nhà đất, bà T ký hợp đồng đo vẽ với Công ty TNHH Đo đạc Bản đồ Quan San và được công ty này đo vẽ nhà đất có diện tích: 213,2m², diện tích xây dựng: 149,5m², diện tích sàn xây dựng: 163,2m², số tầng 1 + lửng. Diện tích này là chính xác và bà T đã ở từ đó đến nay (08/07/2010), không tranh chấp, khiếu nại.

Ngày 17/09/2010, căn cứ vào Tờ xác nhận nguồn gốc nhà đất ngày 08/07/2010 của bà Trần Thị T; xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận T về việc diện tích nhà và đất bà T khai theo bản vẽ do Công ty TNHH Đo đạc Bản đồ Quan San lập ngày 08/01/2009 được Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận T kiểm tra nội nghiệp ngày 22/01/2010 là đúng. Ủy ban nhân dân Quận T cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất số BC653765 cho bà Trần Thị T (GCN số BC653765).

Năm 2012, ông Phạm Trung B tiếp tục khiếu nại để yêu cầu hủy Giấy chứng nhận số BC653765, trả lại diện tích đất cho các anh em trong gia đình.

Do có khiếu nại của ông B, Ủy ban nhân dân Quận T đã chỉ đạo Thanh tra Quận T kiểm tra nguồn gốc đất, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T.

Ngày 12/03/2013, Ủy ban nhân dân Quận T căn cứ các Văn bản số 10/TTQ8 ngày 09/01/2013 và Số 261/TTQ ngày 03/12/2012 của Thanh tra Quận T về việc thẩm tra đơn khiếu nại của ông Phạm Trung B đã cấp Giấy chứng nhận số BC653765 bao gồm luôn cả phần đất đang tranh chấp ban hành Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/03/2013 để thu hồi Giấy chứng nhận số BC653765 là không đúng quy định pháp luật. Vì phần đất tranh chấp giữa bà T và ông B đã được hòa giải từ năm 2001 đến năm 2005 nhưng không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên được xem là đất không có tranh chấp.

Việc ban hành Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/03/2013 về việc thu hồi Giấy chứng nhận số BC653765 không vi phạm dẫn cụ thể điểm, khoản, điều của của luật đất đai, luật nhà ở, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP. Thêm vào đó, Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 05/06/2013 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T (Quyết định số 3640) đã căn cứ vào Điểm e Điều 5 Quyết định số 54/2007/QĐ-UBND ngày 30/03/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (đã hết hiệu lực pháp luật từ ngày 08/07/2012) thay vì căn cứ vào Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 28/06/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Do đó, bà Trần Thị T căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 163 Luật tổ tụng hành chính 2010 (nay là Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính 2015)

khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/03/2013 về việc thu hồi GCN số BC653765.

Căn cứ vào các bản tự khai và lời khai trong các buổi làm việc người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận T có ông Trương H là người đại diện hợp pháp trình bày:

Theo tờ trình nguồn gốc nhà đất của bà Trần Thị T thì nhà đất do bà khai phá sử dụng từ năm 1960. Năm 1977, bà Trần Thị T có đăng ký kê khai nhà cửa với diện tích 70m² đất. Năm 1999, bà Trần Thị T đăng ký kê khai nhà đất, với diện tích 236m² đất, nguồn gốc do cha mẹ để lại là bà Phạm Thị Sắn. Năm 2000, bà Trần Thị T có sửa chữa và coi nói thêm không xin phép.

Năm 2010, bà Trần Thị T làm đơn xin cấp giấy chứng nhận, trong đơn có ghi nguồn gốc đất: tự san lấp và xây dựng nhà ở.

Ngoài ra, bà Trần Thị T có đơn cam kết (được Ủy ban nhân dân Phường 14 xác nhận chữ ký) về việc năm 1977 do thiếu hiểu biết nên kê khai diện tích đất chỉ có 70m² và năm 1999 có nhờ người viết dùm tờ kê khai nguồn gốc sử dụng đất không đúng với các giấy tờ trước đây: nguồn gốc đất do bà T tự tạo lập, không phải do cha mẹ để lại.

Việc xem xét cấp giấy chứng nhận cho bà Trần Thị T cũng được công khai niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 14 theo quy định.

Tờ tường trình nguồn gốc và đơn xin cấp giấy chứng nhận của bà Trần Thị T đều được Ủy ban nhân dân Phường 14 xác nhận: sử dụng trước năm 1975, không có tranh chấp.

Ngày 17/9/2010, Ủy ban nhân dân Quận T cấp GCN số BC653765 (Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận CH00233) cho bà Trần Thị T theo đúng quy trình thủ tục.

Tuy nhiên tháng 10/2012, Ủy ban nhân dân Quận T nhận được đơn của ông Phạm Trung B. Trong đơn ông Phạm Trung B trình bày: phần đất cấp giấy chứng nhận cho bà Trần Thị T có phần đất do cha mẹ để lại cho 04 người con. Từ năm 2001 đến năm 2005 giữa bà Trần Thị T và các anh chị em có tranh chấp phần đất này, ông Phạm Trung B yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận T xem xét giải quyết hủy Giấy chứng nhận đã cấp cho bà Trần Thị T vì miếng đất này là tài sản do cha mẹ để lại cho anh chị em chứ không phải riêng một mình bà Trần Thị T.

Ngày 23/10/2012, Ủy ban nhân dân Quận T đã có Công văn số 2585/UBND-XKT về việc giao cho Thanh tra Quận T thẩm tra hồ sơ cấp GCN số BC653765 (Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận CH00233) cho bà Trần Thị T tại

nhà đất số 123 Hoài Thanh, Phường 14, Quận T và Công văn số 3274/UBND-XKT ngày 28/12/2012 về việc giao Thanh tra Quận T rà soát, thẩm tra lại hồ sơ có liên quan, tham mưu giải quyết đơn ông Phạm Trung B đúng quy định.

Qua thẩm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cho bà Trần Thị T, Thanh tra Quận T có báo cáo kết quả thẩm tra tại Công văn số 261/TTQ ngày 03/12/2012 và Công văn số 10/TTQ ngày 09/01/2013, nội dung như sau:

Giữa bà Trần Thị T và ông Phạm Trung B, ông Trần Văn N, bà Trần Thị B (cùng là con của ông Trần Văn Đ và bà Phạm Thị S, đã chết vào năm 1966) đã có tranh chấp liên quan đến đất đai là di sản thừa kế từ năm 2001 đến năm 2005. Ủy ban nhân dân Phường 14 đã tiến hành hòa giải nhưng không thành và đã có Phiếu chuyển gửi Tòa án nhân dân Quận T xem xét giải quyết. Do Ủy ban nhân dân Phường 14 thiếu cập nhật thông tin, không kiểm tra đối chiếu giữa hai bộ phận tư pháp phường và bộ phận địa chính phường nên khi tiếp nhận hồ sơ của bà Trần Thị T, Ủy ban nhân dân Phường 14 đã xác nhận “hiện không tranh chấp” là chưa chính xác.

Ngoài ra qua kiểm tra, Thanh tra Quận T nhận thấy bà Trần Thị T có dấu hiệu gian dối khi cam kết trong tờ tường trình nguồn gốc nhà đất: “từ khi tạo lập nhà ở đến nay tôi ở ổn định không có tranh chấp, khiếu nại”

Thanh tra Quận T nhận thấy việc cấp giấy chứng nhận cho bà Trần Thị T là có sai sót khi cấp giấy chứng nhận cho bà T đã cấp luôn phần đất có tranh chấp, chưa được giải quyết dứt điểm.

Căn cứ quy định tại Điểm e Điều 5 Quyết định số 54/2007/QĐ-UBND ngày 30/3/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quy định về trường hợp không cấp Giấy chứng nhận: “Nhà – đất ở có tranh chấp, khiếu nại liên quan đến quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở mà chưa được giải quyết theo quy định của pháp luật”, Thanh tra Quận T kiến nghị Ủy ban nhân dân Quận T ban hành Quyết định thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận đã cấp cho bà Trần Thị T và cấp lại theo đúng quy định.

Trên cơ sở nội dung báo cáo và kiến nghị của Thanh tra Quận T và quy định của pháp luật tại Điểm b Khoản 2 Điều 25 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: “Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận tự kiểm tra và phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp là trái pháp luật thì có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới cơ quan thanh tra cùng cấp để thẩm tra. Thanh tra cấp huyện có trách nhiệm thẩm tra đối với Giấy chứng nhận do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp...”. Ngày

12/3/2013, Ủy ban nhân dân Quận T đã ban hành Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/3/2013 của Ủy ban nhân dân Quận T về việc thu hồi, hủy bỏ GCN số BC653765 (Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận CH00233) ngày 17/9/2010 do Ủy ban nhân dân Quận T cấp cho bà Trần Thị T tại địa chỉ số 123 đường Hoài Thanh, Phường 14, Quận T.

Từ những cơ sở pháp lý trên, việc Ủy ban nhân dân Quận T ban hành Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/3/2013 là đúng theo quy định của pháp luật, yêu cầu Tòa án nhân dân Quận T bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Căn cứ vào biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2016 người liên quan ông Phạm Trung B trình bày:

Phần đất trống đang tranh chấp giữa hai căn nhà số 123 và số 125 đường Hoài Thanh, Phường 14, Quận T là của cha mẹ ông B, bà T tạo dựng nên từ trước năm 1975, diện tích không biết là bao nhiêu, không có giấy tờ gì chứng minh. ông B có gửi đơn tranh chấp phần đất giữa hai căn nhà này ra Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận T giải quyết từ năm 2001 đến 2005 nhưng không hòa giải được.

Năm 2010, ông B nghe nói bà Trần Thị T làm thủ tục cấp giấy chứng nhận bao gồm luôn phần đất đang tranh chấp giữa hai căn nhà nêu trên nên đã gửi đơn khiếu nại ra Phường 14, Quận T để ngăn chặn (không có biên nhận).

Năm 2012, ông B tiếp tục khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BC 653765 (Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận CH00233) ngày 17/9/2010 do Ủy ban nhân dân Quận T cấp cho bà Trần Thị T tại địa chỉ số 123 đường Hoài Thanh, Phường 14, Quận T là không đúng quy định pháp luật.

Nay, Ủy ban nhân dân Quận T đã ra ban hành Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/03/2013 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất số BC653765 cấp ngày 17/9/2010 cho bà Trần Thị T và Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 05/06/2013 của Ủy ban nhân dân Quận T về việc giải quyết khiếu nại cho bà Trần Thị T là đúng quy định pháp luật. Việc khiếu nại và khởi kiện của bà T là không đúng, yêu cầu Tòa án giữ nguyên các quyết định nêu trên. Đồng thời, ông B xin vắng mặt trong các lần triệu tập của Tòa án ngay cả khi xét xử vì đang chấp hành án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận T đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T yêu cầu hủy Quyết định số

1213/QĐ-UBND ngày 12/03/2013 của Ủy ban nhân dân Quận T về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất số BC653765 cấp ngày 17/9/2010 cho bà T và Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 về giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T đối với Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/03/2013 của Ủy ban nhân dân Quận T.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ông Ngô Ngọc T – người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị hủy Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/03/2013 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC653765 cấp ngày 17/9/2010 cho bà Trần Thị T vì lý do tranh chấp của bà T và ông B đã được hòa giải năm 2001, đến năm 2005 không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên được xem là đất không có tranh chấp.

Về yêu cầu kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 về giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T đối với Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/03/2013 của Ủy ban nhân dân Quận T, là vì trong bản án sơ thẩm, Tòa án nhân dân Quận T tuyên hủy Quyết định trên nên ông Ngô Ngọc T làm đơn kháng cáo theo nội dung bản án đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T xác định lại yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo như sau: Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/03/2013 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC653765 cấp ngày 17/9/2010 cho bà Trần Thị T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận T.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Về thủ tục: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật từ khi thụ lý và tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử tiến hành đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật về thời gian, địa điểm xét xử,

thành phần Hội đồng xét xử và các thủ tục tố tụng tại phiên tòa. Về việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung:

Bà Trần Thị T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận T vì lý do bác yêu cầu khởi kiện của bà.

Xét Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/3/2013: Căn cứ Văn bản số 10/TTQ8 ngày 09/01/2013 và Văn bản số 261/TTQ ngày 03/12/2012 của Thanh tra Quận T về việc thẩm tra đơn khiếu nại của ông Phạm Trung B, Ủy ban nhân dân Quận T thu hồi giấy chứng nhận số BC653765 đã cấp cho bà Trần Thị T với lý do đất đang tranh chấp, thu hồi quyết định của Ủy ban là đúng quy định tại Điều 50 Luật Đất đai 2003.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xét Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T đối với Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/3/2013 của Ủy ban nhân dân Quận T là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Vì vậy, hủy một phần đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 3640/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 và không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/3/2013.

Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện, bác yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị T.

Trên đây là ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Ngô Ngọc T gửi đến tòa trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông T. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/3/2013 của Ủy ban nhân dân Quận T là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về thu hồi, hủy

bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận quyết định trên bà T đã có đơn khiếu nại. Tại Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 05/6/2013, Ủy ban nhân dân Quận T bác khiếu nại của bà T. bà T nộp đơn khởi kiện ngày 04/7/2013, căn cứ Điều 3, Khoản 1 Điều 30, điểm a, Khoản 2 Điều 166 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân Quận T thu lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là còn thời hiệu và đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung và căn cứ pháp lý ban hành quyết định hành chính:

Bà Trần Thị T có ông Ngô Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy Quyết số 1213/QĐ-UBND ngày 12/3/2013 của Ủy ban nhân dân Quận T với lý do: Việc ban hành quyết định thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận là không đúng. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Nhà đất tọa lạc tại địa chỉ 123 đường Hoài Thanh, Phường 14, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, do bà Trần Thị T khai phá sử dụng từ năm 1960. Ngày 22/12/1977, bà T đăng ký kê khai nhà cửa với diện tích 70m². Năm 1999, bà T kê khai nhà cửa diện tích 236m², nguồn gốc do cha mẹ của bà để lại theo tờ khai đăng ký nhà đất ngày 07/9/1999. Ủy ban nhân dân Quận T căn cứ vào đơn xin đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác của bà T là không có tranh chấp và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T vào ngày 17/9/2010 với diện tích 213,2m². Tháng 10/2012, ông Phạm Trung B có khiếu nại về phần đất cấp cho bà T là đất có tranh chấp di sản thừa kế và việc cấp luôn phần đất có tranh chấp chưa được giải quyết dứt điểm vì từ năm 2001 đến năm 2005 ông Phạm Trung B có đơn khiếu nại.

Phần đất Ủy ban nhân dân Quận T cấp cho bà T với diện tích 213,2m², ông Phạm Trung B cùng các anh em trong gia đình đã có tranh chấp và có khiếu nại từ năm 2001 đến năm 2005. Ủy ban nhân dân phường 14 chuyển hồ sơ tranh chấp đất đai của ông B đến Tòa án nhân dân Quận T giải quyết, do ông B không biết đi khởi kiện tại Tòa án cũng như khiếu nại tranh chấp đến Ủy ban nhân dân Quận T, do đó phần đất nêu trên chưa được giải quyết dứt điểm. Ủy ban nhân dân Quận T căn cứ vào các Văn bản số 261/TTQ ngày 03/12/2012 và số 10/TTQ ngày 09/01/2013 của Thanh tra Quận T về thẩm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho bà T là cấp trái quy định của pháp luật do đã cấp luôn phần đất có tranh chấp nên Ủy ban nhân dân Quận T ban hành Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/3/2013 thu hồi giấy chứng nhận đã cấp cho bà T là phù hợp tại Điều 50 Luật đất đai năm 2003, Điều 25 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất;

bà T khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận T yêu cầu hủy Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/3/2013 của Ủy ban nhân dân Quận T. Quá trình giải quyết bà T cũng chỉ yêu cầu giải quyết 01 quyết định nêu trên, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/03/2013 của Ủy ban nhân dân Quận T về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất số BC653765 cấp ngày 17/9/2010 cho bà T và Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 về giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T đối với Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/03/2013 của Ủy ban nhân dân Quận T. Bản án sơ thẩm tuyên vượt quá yêu cầu khởi kiện, Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ án hành chính khi có đơn khởi kiện, có yêu cầu thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện quy định tại Điều 8 Luật tố tụng hành chính, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết luôn Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 mà bà T không có yêu cầu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 3640/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 về giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T đối với Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/03/2013 của Ủy ban nhân dân Quận T, chỉ xem xét Quyết định 1213/QĐ-UBND ngày 12/03/2013 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất số BC653765 cấp ngày 17/9/2010 cho bà T.

Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 123, Khoản 4 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008,

Tuyên xử:

1. Hủy một phần bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận T, đình chỉ giải quyết Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 về giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T đối với Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/03/2013 của Ủy ban nhân dân Quận T;

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về yêu cầu hủy Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/03/2013 của Ủy ban nhân dân Quận T về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất số BC653765 cấp ngày 17/9/2010 cho bà T.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 02153 ngày 26/9/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T. bà T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Trần Thị T tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng mà bà Trần Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2016/0027365 ngày 29/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận T;
- Chi cục THADS Quận T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mạnh Đoàn Trang